



AAT SERVICES CO., LTD.

**CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN  
CẤP NƯỚC ĐỒNG NAI**

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN**  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

**CÔNG TY TNHH DỊCH VỤ KIỂM TOÁN, KẾ TOÁN VÀ TƯ VẤN THUẾ AAT  
AUDITING, ACCOUNTING AND TAX ADVISORY SERVICES COMPANY LIMITED**

Trụ sở chính:

Add: P.2407 Nhà 34T - Khu ĐTM Trung Hòa Nhân Chính - Đường Hoàng Đạo Thúy, Cầu Giấy, Hà Nội  
Tel: 84.4.2.2210082/84.4.2.2410949/84.4.2.2413585 - Fax: 84.4.2.2210084  
Email: info@aat.com.vn - Website: <http://www.aat.com.vn> - Tax Code: 0102283607

Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh:

Add: Tầng 4 - Tòa nhà Mirae Business Center, Số 268 Tô Hiến Thành, P.15, Q.10, TP. Hồ Chí Minh  
Tel: 84.8.3979 8188 - Fax: 84.8.3979 8189 - Email: aat-hcm@aat.com.vn

**CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN  
CẤP NƯỚC ĐỒNG NAI**

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN**  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

ĐO \* M.S.C.

## MỤC LỤC

	Trang
1. Mục lục	01
2. Báo cáo của Ban Giám đốc	02 – 04
3. Báo cáo kiểm toán	05 – 06
4. Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2011	07 – 10
5. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh năm 2011	11
6. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ năm 2011	12 - 13
7. Bản thuyết minh Báo cáo tài chính năm 2011	14 - 30

\*\*\*\*\*

## **BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC**

Ban Giám đốc Công ty TNHH MTV Cấp nước Đồng Nai (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày báo cáo của mình cùng với Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011 đã được kiểm toán.

### **Khái quát về Công ty**

Công ty TNHH MTV Xây dựng Cấp nước Đồng Nai là doanh nghiệp Nhà nước, được thành lập theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 3600259296 (số cũ: 4704000005) chứng nhận lần đầu ngày 07 tháng 04 năm 2004, thay đổi lần 3 ngày 23 tháng 05 năm 2011 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đồng Nai cấp.

Trụ sở chính đặt tại số 48, đường Cách Mạng Tháng 8, phường Quyết Thắng, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai.

Vốn điều lệ của Công ty là 400.000.000.000 đồng.

Chủ sở hữu : Tổng Công ty phát triển Khu Công nghiệp.

Địa chỉ của chủ sở hữu: Số 1, Khu công nghiệp Biên Hòa 1, đường số 1, phường An Bình, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai.

Hoạt động chính của Công ty gồm:

- Khai thác, xử lý và cung cấp nước: Khai thác, lọc nước phục vụ sinh hoạt đô thị và công nghiệp, phân phối nước sạch.
- Gia công cơ khí, xử lý và tráng phủ kim loại: Sản xuất các sản phẩm cơ khí chuyên ngành nước.
- Dịch vụ lưu trú ngắn ngày: Kinh doanh khách sạn.
- Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng: Kinh doanh vật tư thiết bị phụ kiện chuyên ngành nước.
- Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan: Tư vấn thiết kế kết cấu công trình dân dụng, công nghiệp; Thiết kế công trình cấp nước; Thiết kế hệ thống cấp nước cho công trình; Dịch vụ hỗ trợ xây dựng; Dịch vụ tư vấn thiết kế khác; Thiết kế công trình thoát nước; Lập dự án đầu tư, thẩm định dự án đầu tư; Giám sát thi công công trình dân dụng – công nghiệp; Lập hồ sơ mời thầu; Đánh giá hồ sơ dự thầu; Thẩm định thiết kế kỹ thuật; Quyết toán các dự án đầu tư; Tư vấn quản lý dự án đầu tư; Thẩm định hồ sơ mời thầu và dự toán – tổng dự toán; Thẩm định kết quả đấu thầu.
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê: Đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng đô thị và khu công nghiệp; Xây dựng nhà ở và cho thuê nhà; Cho thuê văn phòng; Kinh doanh bất động sản.
- Sản xuất đồ uống không cồn, nước khoáng: Sản xuất nước tinh khiết đóng chai.
- Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác: Xây dựng công trình công nghiệp.
- Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, lò sưởi và điều hòa không khí: Lắp đặt hệ thống cấp nước, thoát nước.
- Dịch vụ hỗ trợ liên quan đến quảng bá và tổ chức tua du lịch.
- Xây dựng công trình công ích: Xây dựng các công trình cấp thoát nước; Xây dựng trạm bơm.
- Xây dựng nhà các loại: Xây dựng công trình dân dụng.

### **Những ảnh hưởng quan trọng đến tình hình hoạt động của Công ty**

Trong năm 2011, Công ty thay đổi thời gian khấu hao của tài sản cố định. Thời gian khấu hao của tài sản cố định vẫn đúng theo quy định hiện hành.

CHỈ  
ING  
VỤ  
TẾ  
Ư VÀ  
A,  
17  
0 CH  
TP

**Tình hình tài chính và hoạt động kinh doanh**

Tình hình tài chính tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2011, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày của Công ty được trình bày trong Báo cáo tài chính đính kèm báo cáo này (từ trang 07 đến trang 30).

**Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính**

Ban Giám đốc Công ty khẳng định không có sự kiện nào phát sinh sau ngày 31 tháng 12 năm 2011 cho đến thời điểm lập báo cáo này mà chưa được xem xét điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính.

**Hội đồng Thành viên và Ban Giám đốc**

Hội đồng Thành viên và Ban Giám đốc của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này bao gồm:

**Hội đồng Thành viên**

Họ và tên	Chức vụ
Ông Vũ Văn Học	Chủ tịch
Ông Đặng Trọng Thành	Phó Chủ tịch
Ông Phan Hùng	Ủy viên
Ông Lê Duy Diệp	Ủy viên
Ông Ngô Thanh Thụy	Ủy viên

**Ban Giám đốc**

Họ và tên	Chức vụ
Ông Đặng Trọng Thành	Giám đốc
Ông Phan Hùng	Phó Giám đốc
Ông Nguyễn Xuân Thịnh	Phó Giám đốc
Ông Nguyễn Văn Bình	Phó Giám đốc
Bà Mai Ngọc Thu	Phó Giám đốc
Ông Lê Duy Diệp	Kế toán trưởng

**Kiểm toán viên**

Chi nhánh Công ty TNHH Dịch vụ Kiểm toán, Kế toán và Tư vấn Thuế AAT tại thành phố Hồ Chí Minh đã kiểm toán Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011, và bày tỏ nguyện vọng tiếp tục được chỉ định là kiểm toán viên độc lập của Công ty.

**Xác nhận của Ban Giám đốc**

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập báo cáo tài chính phản ánh trung thực, hợp lý tình hình hoạt động, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong quá trình lập báo cáo tài chính, Ban Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các phán đoán và các ước tính một cách thận trọng;
- Công bố các Chuẩn mực kế toán phải tuân theo trong các vấn đề trọng yếu được công bố và giải trình trong Báo cáo tài chính;
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể giả định rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục.

Ban Giám đốc đảm bảo rằng, Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên khi lập Báo cáo tài chính; các số kế toán thích hợp được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tại bất kỳ thời điểm nào, với mức độ chính xác hợp lý tình hình tài chính của Công ty và Báo cáo tài chính được lập tuân thủ các Chuẩn mực và Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện hành.

37  
HÀ  
T  
I  
E  
M  
A  
N  
V  
T  
H  
V  
T  
N  
H  
P  
M  
I  
N  
10

# CÔNG TY TNHH MTV CẤP NƯỚC ĐỒNG NAI

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

Ban Giám đốc Công ty cũng chịu trách nhiệm bảo vệ an toàn tài sản của Công ty và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Chúng tôi, Ban Giám đốc Công ty xác nhận rằng, Báo cáo tài chính kèm theo đã được lập một cách đúng đắn, phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính tại ngày 31 tháng 12 năm 2011, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày của Công ty, đồng thời phù hợp với các Chuẩn mực, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các qui định pháp lý có liên quan.



Thay mặt Ban Giám đốc

**Đặng Trọng Thành**  
Giám đốc

Ngày 31 tháng 01 năm 2012

101  
HH  
TQ  
A  
J  
H  
1  
2012

Số: 16/2012/BCKT-AAT

**BÁO CÁO KIỂM TOÁN**  
**VỀ BÁO CÁO TÀI CHÍNH CỦA NĂM TÀI CHÍNH**  
**KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2011**  
**CỦA CÔNG TY TNHH MTV CẤP NƯỚC ĐỒNG NAI**

**Kính gửi: HỘI ĐỒNG THÀNH VIÊN, BAN GIÁM ĐỐC**  
**CÔNG TY TNHH MTV CẤP NƯỚC ĐỒNG NAI**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011 của Công ty TNHH MTV Cấp nước Đồng Nai gồm: Bảng cân đối kế toán tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2011, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, được lập ngày 31 tháng 01 năm 2012, từ trang 07 đến trang 30 kèm theo.

Việc lập và trình bày Báo cáo tài chính này thuộc trách nhiệm của Ban Giám đốc Công ty. Trách nhiệm của Kiểm toán viên là đưa ra ý kiến về các báo cáo này dựa trên kết quả công việc kiểm toán.

Báo cáo tài chính của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010 của Công ty đã được kiểm toán bởi công ty kiểm toán khác. Kiểm toán viên của công ty kiểm toán này đã đưa ra Báo cáo kiểm toán vào ngày 21 tháng 05 năm 2011 có dạng ý kiến ngoại trừ. Các ngoại trừ liên quan đến xác nhận công nợ tại Ban quản lý Dự án và quyết toán vốn đầu tư các công trình xây dựng cơ bản hoàn thành.

**Cơ sở ý kiến**

Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các Chuẩn mực này yêu cầu công việc kiểm toán phải lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo hợp lý rằng Báo cáo tài chính không còn chứa đựng các sai sót trọng yếu. Chúng tôi đã thực hiện kiểm toán theo phương pháp chọn mẫu và áp dụng các thử nghiệm cần thiết, kiểm tra các bằng chứng xác minh những thông tin trong Báo cáo tài chính; đánh giá việc tuân thủ các Chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành, các nguyên tắc và phương pháp kế toán được áp dụng, các ước tính và xét đoán quan trọng của Ban Giám đốc cũng như cách trình bày tổng thể Báo cáo tài chính. Chúng tôi tin rằng công việc kiểm toán đã cung cấp những cơ sở hợp lý cho ý kiến của chúng tôi.

**Hạn chế kiểm toán**

Công việc kiểm toán nhằm đưa ra ý kiến về tình hình tài chính theo các thủ tục kiểm toán Báo cáo tài chính thông thường, không nhằm đưa ra ý kiến về giá trị quyết toán vốn đầu tư công trình hoàn thành, việc này chỉ thực hiện được khi tiến hành các thủ tục kiểm toán đặc thù áp dụng riêng cho việc quyết toán vốn đầu tư các công trình xây dựng cơ bản hoàn thành. Chúng tôi chỉ đưa ra ý kiến kiểm toán trên cơ sở thực hiện việc kiểm tra các biên bản nghiệm thu - bàn giao giữa Công ty và các nhà thầu.

**Ý kiến của Kiểm toán viên**

Theo ý kiến chúng tôi, ngoại trừ những ảnh hưởng (nếu có) của vấn đề nêu trên, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty TNHH MTV Cấp nước Đồng Nai tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2011, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan.

Không phủ nhận ý kiến nêu trên, Chúng tôi muốn lưu ý người đọc báo cáo vấn đề sau: Nhà máy nước Thiện Tân (giai đoạn 01) đã đi vào hoạt động từ tháng 4 năm 2004. Ban quản lý Dự án cấp nước Đồng Nai tạm bàn giao giá trị xây dựng công trình theo chủ đầu tư lập quyết toán dự án tương ứng với số tiền 489.195.852.086 đồng. Và Dự án đang chờ phê duyệt quyết toán của các Cơ quan có thẩm quyền.

Cũng như lưu ý đến thuyết minh IV.17 và V.25 trong Bản thuyết minh Báo cáo tài chính về việc áp dụng chính sách kế toán liên quan đến xử lý chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư có gốc ngoại tệ của các khoản mục tiền tệ áp dụng tại Ban quản lý Dự án. Việc áp dụng chính sách kế toán này làm cho khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại số dư có gốc ngoại tệ cuối năm của các khoản vay dài hạn và phải trả dài hạn khác lũy kế đến ngày 31 tháng 12 năm 2011 là 205.707.067.950 đồng và làm ảnh hưởng đến kết quả kinh doanh một khoản lỗ tương ứng.

Thay mặt và đại diện cho  
Chi nhánh Công ty TNHH Dịch vụ Kiểm toán Kế toán  
và Tư vấn Thuế AAT tại thành phố Hồ Chí Minh



**Trương Quang Trung – Giám đốc**  
Chứng chỉ kiểm toán viên số: 1752/KTV

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 16 tháng 04 năm 2012

A blue ink handwritten signature of Phạm Thị Anh Khoa.

**Phạm Thị Anh Khoa – Kiểm toán viên**  
Chứng chỉ kiểm toán viên số: 1521/KTV





**CÔNG TY TNHH MTV CẤP NƯỚC ĐỒNG NAI**

Địa chỉ: Số 48, đường CMT8, phường Quyết Thắng, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2011

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>A - TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>436.167.236.123</b>	<b>278.656.907.793</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>		<b>6.989.404.747</b>	<b>10.474.340.260</b>
1. Tiền	111	V.1	6.989.404.747	10.474.340.260
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	-
<b>II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
1. Đầu tư ngắn hạn	121		-	-
2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	129		-	-
<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>390.003.501.361</b>	<b>235.448.960.300</b>
1. Phải thu khách hàng	131	V.2	35.539.350.657	27.941.517.017
2. Trả trước cho người bán	132	V.3	353.734.065.345	207.097.644.017
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Các khoản phải thu khác	135	V.4	730.085.359	409.799.266
6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139		-	-
<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>		<b>36.188.754.917</b>	<b>25.973.903.403</b>
1. Hàng tồn kho	141	V.5	36.188.754.917	25.973.903.403
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>2.985.575.098</b>	<b>6.759.703.830</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		-	-
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		1.559.823.685	3.932.165.239
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154	V.6	-	1.267.391.082
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	157		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	158	V.7	1.425.751.413	1.560.147.509

**CÔNG TY TNHH MTV CẤP NƯỚC ĐỒNG NAI**

Địa chỉ: Số 48, đường CMT8, phường Quyết Thắng, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

**Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)**

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>B - TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>1.325.249.605.106</b>	<b>1.259.193.861.796</b>
<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		-	-
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Vốn kinh doanh ở các đơn vị trực thuộc	212		-	-
3. Phải thu dài hạn nội bộ	213		-	-
4. Phải thu dài hạn khác	218		-	-
5. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
<b>II. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>1.289.669.415.599</b>	<b>1.223.525.572.161</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.8	369.242.230.237	473.084.646.062
<i>Nguyên giá</i>	222		899.229.156.224	907.127.830.955
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	223		(529.986.925.987)	(434.043.184.893)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
<i>Nguyên giá</i>	225		-	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	226		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.9	10.605.518.945	10.942.842.641
<i>Nguyên giá</i>	228		11.351.362.568	11.351.362.568
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	229		(745.843.623)	(408.519.927)
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	V.10	909.821.666.417	739.498.083.458
<b>III. Bất động sản đầu tư</b>	<b>240</b>		-	-
<i>Nguyên giá</i>	241		-	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	242		-	-
<b>IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>		<b>35.141.310.000</b>	<b>35.141.310.000</b>
1. Đầu tư vào công ty con	251	V.11	31.031.210.000	31.031.210.000
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252	V.12	2.160.000.000	2.160.000.000
3. Đầu tư dài hạn khác	258	V.13	1.950.100.000	1.950.100.000
4. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	259		-	-
<b>V. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>438.879.507</b>	<b>526.979.635</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.14	438.879.507	526.979.635
2. Tài sản thuê thu nhập hoãn lại	262		-	-
3. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>	<b>270</b>		<b>1.761.416.841.229</b>	<b>1.537.850.769.589</b>

**CÔNG TY TNHH MTV CẤP NƯỚC ĐỒNG NAI**

Địa chỉ: Số 48, đường CMT8, phường Quyết Thắng, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

**Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)**

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>A - NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>1.577.935.796.514</b>	<b>1.314.233.932.228</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>130.572.022.114</b>	<b>112.995.858.410</b>
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	V.15	66.096.690.564	72.016.503.233
2. Phải trả người bán	312	V.16	17.367.189.487	17.555.574.019
3. Người mua trả tiền trước	313	V.17	9.953.510.229	4.065.088.654
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	V.18	3.331.458.007	1.359.966.053
5. Phải trả người lao động	315		19.499.384.990	10.339.047.977
6. Chi phí phải trả	316	V.19	4.069.616.219	1.173.585.904
7. Phải trả nội bộ	317		-	-
8. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	318		-	-
9. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	V.20	3.741.099.602	2.914.649.222
10. Dự phòng phải trả ngắn hạn	320		-	-
11. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323	V.21	6.513.073.016	3.571.443.348
12. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	327		-	-
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>1.447.363.774.400</b>	<b>1.201.238.073.818</b>
1. Phải trả dài hạn người bán	331		-	-
2. Phải trả dài hạn nội bộ	332		-	-
3. Phải trả dài hạn khác	333	V.22	510.673.878.041	269.675.023.846
4. Vay và nợ dài hạn	334	V.23	935.255.257.427	930.437.100.369
5. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	335		-	-
6. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336	V.24	1.385.115.194	1.013.035.865
7. Dự phòng phải trả dài hạn	337		49.523.738	112.913.738
8. Doanh thu chưa thực hiện	338		-	-
9. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	339		-	-
<b>B - NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>183.481.044.715</b>	<b>223.616.837.361</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>		<b>182.885.601.298</b>	<b>223.064.802.751</b>
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411	V.25	264.357.103.569	259.510.611.883
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		-	-
3. Vốn khác của chủ sở hữu	413		-	-
4. Cổ phiếu quỹ	414		-	-
5. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	415		-	-
6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416	V.25	(205.707.067.950)	(143.119.553.282)
7. Quỹ đầu tư phát triển	417	V.25	13.163.324.841	10.575.295.783
8. Quỹ dự phòng tài chính	418	V.25	6.076.449.735	4.579.421.378
9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419	V.25	17.197.741.350	17.197.741.350
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420	V.25	11.570.111.421	14.970.283.570
11. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	421	V.25	76.227.938.332	59.351.002.069
12. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	422		-	-
<b>II. Nguồn kinh phí và quỹ khác</b>	<b>430</b>		<b>595.443.417</b>	<b>552.034.610</b>
1. Nguồn kinh phí	432		595.443.417	552.034.610
2. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định	433		-	-
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>	<b>440</b>		<b>1.761.416.841.229</b>	<b>1.537.850.769.589</b>

# CÔNG TY TNHH MTV CẤP NƯỚC ĐỒNG NAI

Địa chỉ: Số 48, đường CMT8, phường Quyết Thắng, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

## BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011


Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

### CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Số cuối năm	
		Số cuối năm	Số đầu năm
1. Tài sản thuê ngoài		-	-
2. Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ, nhận gia công		-	-
3. Hàng hóa nhận bán hộ, nhận ký gửi, ký cược		-	-
4. Nợ khó đòi đã xử lý		-	-
5. Ngoại tệ các loại (USD)		1.280,35	1.288,65
6. Dự toán chi sự nghiệp, dự án		-	-

Đồng Nai, ngày 31 tháng 01 năm 2012



  
\_\_\_\_\_  
Lê Duy Diệp  
Kế toán trưởng

\_\_\_\_\_  
Đặng Trọng Thành  
Giám đốc

IN 31 JK TC VÀ A THỊ GI TẾ

**CÔNG TY TNHH MTV CẤP NƯỚC ĐỒNG NAI**

Địa chỉ: Số 48, đường CMT8, phường Quyết Thắng, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**

Năm 2011

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Đơn vị tính: VND	
			Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	354.054.488.997	301.489.882.426
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	VI.1	39.138.627	15.987.626
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	VI.1	354.015.350.370	301.473.894.800
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	230.094.648.354	175.817.149.156
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		123.920.702.016	125.656.745.644
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	5.239.174.835	4.938.617.118
7. Chi phí tài chính	22	VI.4	59.933.266.919	74.013.185.213
Trong đó: chi phí lãi vay	23		34.023.334.157	26.075.895.597
8. Chi phí bán hàng	24	VI.5	31.642.355.877	30.271.554.618
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	VI.6	25.082.098.076	14.386.306.307
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		12.502.155.979	11.924.316.624
11. Thu nhập khác	31	VI.7	12.556.048.885	196.414.545
12. Chi phí khác	32	VI.8	8.442.677.470	168.009.253
13. Lợi nhuận khác	40		4.113.371.415	28.405.292
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		16.615.527.394	11.952.721.916
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	V.18	5.045.415.974	2.170.722.347
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		<u>11.570.111.420</u>	<u>9.781.999.569</u>



Đồng Nai, ngày 31 tháng 01 năm 2012

Lê Duy Diệp  
Kế toán trưởng

Đặng Trọng Thành  
Giám đốc

**CÔNG TY TNHH MTV CẤP NƯỚC ĐỒNG NAI**

Địa chỉ: Số 48, đường CMT8, phường Quyết Thắng, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**

(Theo phương pháp gián tiếp)

Năm 2011

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
<b>I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		16.615.527.394	11.952.721.916
2. Điều chỉnh cho các khoản:				
- Khấu hao tài sản cố định	02	V.8,V.9	100.791.378.532	70.202.082.692
- Các khoản dự phòng	03		-	-
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04	VI.4	16.123.312.762	44.636.499.616
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(9.213.987.365)	(4.938.617.118)
- Chi phí lãi vay	06	VI.4	34.023.334.157	26.075.895.597
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		158.339.565.480	147.928.582.703
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		1.260.888.270	15.520.685.834
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		(10.214.851.514)	(4.463.601.119)
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11		(22.011.087.063)	(74.497.368.503)
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		88.100.128	(312.980.408)
- Tiền lãi vay đã trả	13		(30.329.688.938)	(26.075.895.597)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14		(2.606.843.236)	(2.876.177.459)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15		43.408.807	178.315.854
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	16		(762.377.000)	(2.007.421.500)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>		<b>93.807.114.934</b>	<b>53.394.139.805</b>
<b>II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21		(82.485.986.884)	(201.477.080.673)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22	VI.7	12.260.290.000	-
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		-	-
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		-	-
5. Tiền chi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	25		-	(2.160.000.000)
6. Tiền thu hồi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	26		-	40.000.000
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	VI.3	5.239.174.835	4.938.617.118
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>		<b>(64.986.522.049)</b>	<b>(198.658.463.555)</b>

## CÔNG TY TNHH MTV CẤP NƯỚC ĐỒNG NAI

Địa chỉ: Số 48, đường CMT8, phường Quyết Thắng, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH


Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011


#### Báo cáo lưu chuyển tiền tệ (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
<b>III Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận góp vốn của chủ sở hữu	31		16.876.936.263	19.381.647.261
2. Tiền chi trả góp vốn cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33		307.451.212.540	537.899.762.302
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(354.298.949.401)	(429.993.292.831)
5. Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35		-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	V.24	(2.334.727.800)	-
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</i>	<i>40</i>		<i>(32.305.528.398)</i>	<i>127.288.116.732</i>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong năm</b>	<b>50</b>		<b>(3.484.935.513)</b>	<b>(17.976.207.018)</b>
<b>Tiền và tương đương tiền đầu năm</b>	<b>60</b>	<b>V.1</b>	<b>10.474.340.260</b>	<b>28.450.547.278</b>
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	-
<b>Tiền và tương đương tiền cuối năm</b>	<b>70</b>	<b>V.1</b>	<b>6.989.404.747</b>	<b>10.474.340.260</b>



Đồng Nai, ngày 31 tháng 01 năm 2012

  
Lê Duy Diệp  
Kế toán trưởng

  
Đặng Trọng Thành  
Giám đốc

# CÔNG TY TNHH MTV CẤP NƯỚC ĐỒNG NAI

Địa chỉ: Số 48, đường CMT8, phường Quyết Thắng, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

## BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

## BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2011

### I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

#### 1. Hình thức sở hữu vốn:

Công ty TNHH MTV Xây dựng Cấp nước Đồng Nai là doanh nghiệp Nhà nước, được thành lập theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 3600259296 (số cũ: 4704000005) chứng nhận lần đầu ngày 07 tháng 04 năm 2004, thay đổi lần 3 ngày 23 tháng 05 năm 2011 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đồng Nai cấp.

Trụ sở chính đặt tại số 48, đường CMT8, phường Quyết Thắng, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai.

Vốn điều lệ của Công ty là 400.000.000.000 đồng.

Chủ sở hữu : Tổng Công ty phát triển Khu Công nghiệp.

Địa chỉ của chủ sở hữu: Số 1, Khu công nghiệp Biên Hòa 1, đường số 1, phường An Bình, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai.

Các đơn vị trực thuộc:

<u>Đơn vị</u>	<u>Địa chỉ</u>
Ban Quản lý dự án	Xã Hóa An, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai
Xí nghiệp nước Thiện Tân	Xã Thiện Tân, huyện Vĩnh Cửu, tỉnh Đồng Nai
Xí nghiệp nước Long Bình	Phường Long Bình, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai
Xí nghiệp nước Vĩnh An	Thị trấn Vĩnh An, huyện Vĩnh Cửu, tỉnh Đồng Nai
Xí nghiệp nước Biên Hòa	Phường Quyết thắng, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai
Xí nghiệp nước Xuân Lộc	Thị trấn Gia Ray, huyện Xuân Lộc, tỉnh Đồng Nai
Xí nghiệp nước Tân Định	Thị trấn Định Quán, huyện Định Quán, tỉnh Đồng Nai
Khách sạn Công đoàn	Thành phố Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu

#### 2. Lĩnh vực kinh doanh:

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là xây lắp, thương mại và dịch vụ.

#### 3. Ngành nghề kinh doanh:

- Khai thác, xử lý và cung cấp nước: Khai thác, lọc nước phục vụ sinh hoạt đô thị và công nghiệp, phân phối nước sạch.
- Gia công cơ khí, xử lý và tráng phủ kim loại: Sản xuất các sản phẩm cơ khí chuyên ngành nước.
- Dịch vụ lưu trú ngắn ngày: Kinh doanh khách sạn.
- Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng: Kinh doanh vật tư thiết bị phụ kiện chuyên ngành nước.
- Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan: Tư vấn thiết kế kết cấu công trình dân dụng, công nghiệp; Thiết kế công trình cấp nước; Thiết kế hệ thống cấp nước cho công trình; Dịch vụ hỗ trợ xây dựng; Dịch vụ tư vấn thiết kế khác; Thiết kế công trình thoát nước; Lập dự án đầu tư, thẩm định dự án đầu tư; Giám sát thi công công trình dân dụng – công nghiệp; Lập hồ sơ mời thầu; Đánh giá hồ sơ dự thầu; Thẩm định thiết kế kỹ thuật; Quyết toán các dự án đầu tư; Tư vấn quản lý dự án đầu tư; Thẩm định hồ sơ mời thầu và dự toán – tổng dự toán; Thẩm định kết quả đấu thầu.
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê: Đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng đô thị và khu công nghiệp; Xây dựng nhà ở và cho thuê nhà; Cho thuê văn phòng; Kinh doanh bất động sản.
- Sản xuất đồ uống không cồn, nước khoáng: Sản xuất nước tinh khiết đóng chai.
- Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác: Xây dựng công trình công nghiệp.



## **CÔNG TY TNHH MTV CẤP NƯỚC ĐỒNG NAI**

Địa chỉ: Số 48, đường CMT8, phường Quyết Thắng, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

### **BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

- Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, lò sưởi và điều hòa không khí; Lắp đặt hệ thống cấp nước, thoát nước.
- Dịch vụ hỗ trợ liên quan đến quảng bá và tổ chức tua du lịch.
- Xây dựng công trình công ích: Xây dựng các công trình cấp thoát nước; Xây dựng trạm bơm.
- Xây dựng nhà các loại: Xây dựng công trình dân dụng.

#### **4. Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp trong năm có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính**

Trong năm 2011, Công ty đã thay đổi thời gian khấu hao của tài sản cố định hữu hình phù hợp với quy định tại Thông tư số 203/2009/TT-BTC ngày 20 tháng 10 năm 2009 do Bộ Tài chính ban hành. Việc thay đổi thời gian khấu hao này làm chi phí khấu hao trong năm tăng thêm 29.720.000.000 đồng, đồng thời lợi nhuận kế toán trước thuế giảm đi tương ứng.

## **II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN**

### **1. Năm tài chính**

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

### **2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

## **III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

### **1. Chế độ kế toán áp dụng**

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam.

### **2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán**

Ban Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ đầy đủ yêu cầu của các Chuẩn mực kế toán và Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện hành trong việc lập Báo cáo tài chính.

### **3. Hình thức kế toán áp dụng**

Công ty sử dụng hình thức kế toán nhật ký chung trên máy vi tính.

## **IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

### **1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính**

Báo cáo tài chính được trình bày theo nguyên tắc giá gốc.

Các đơn vị trực thuộc hình thành bộ máy kế toán riêng, hạch toán phụ thuộc.

Báo cáo tài chính của toàn Công ty được lập trên cơ sở tổng hợp Báo cáo tài chính của các đơn vị trực thuộc. Doanh thu và số dư giữa các đơn vị trực thuộc được loại trừ khi lập Báo cáo tài chính toàn Công ty.

### **2. Tiền và tương đương tiền**

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua, dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định cũng như không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi.

## CÔNG TY TNHH MTV CẤP NƯỚC ĐỒNG NAI

Địa chỉ: Số 48, đường CMT8, phường Quyết Thắng, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

#### 3. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá gốc. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá gốc hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được ghi nhận khi giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trừ chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

#### 4. Các khoản phải thu thương mại và phải thu khác

Các khoản phải thu thương mại và các khoản phải thu khác được ghi nhận theo hóa đơn, chứng từ.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

#### 5. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận ngay vào chi phí.

Khi tài sản cố định được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian sử dụng ước tính của tài sản tuân thủ theo đúng Quyết định số 203/2009/QĐ-BTC ngày 20/10/2009.

Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định như sau:

Loại tài sản cố định	Số năm
Nhà cửa, vật kiến trúc	05 – 25
Máy móc và thiết bị	03 – 10
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	06 – 10
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 – 05
Tài sản cố định khác	04 – 05

#### 6. Tài sản cố định vô hình

##### *Quyền sử dụng đất*

Quyền sử dụng đất là toàn bộ các chi phí thực tế Công ty đã chi ra có liên quan trực tiếp tới đất sử dụng, bao gồm: tiền chi ra để có quyền sử dụng đất, lệ phí trước bạ... Quyền sử dụng đất không xác định thời hạn nên không tính khấu hao.

##### *Chi phí quy hoạch cấp nước*

Chi phí quy hoạch cấp nước tỉnh Đồng Nai đến năm 2010 và định hướng phát triển đến năm 2020 được ghi nhận là tài sản cố định vô hình. Chi phí quy hoạch cấp nước được khấu hao trong 04 năm.

##### *Phần mềm máy tính*

Phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy tính được khấu hao trong 03 năm.

## CÔNG TY TNHH MTV CẤP NƯỚC ĐỒNG NAI

Địa chỉ: Số 48, đường CMT8, phường Quyết Thắng, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

#### 7. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí khi phát sinh. Trường hợp chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có một thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì chi phí đi vay này được vốn hóa.

Đối với các khoản vốn vay chung trong đó có sử dụng cho mục đích đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì chi phí đi vay vốn hóa được xác định theo tỷ lệ vốn hóa đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng cơ bản hoặc sản xuất tài sản đó. Tỷ lệ vốn hóa được tính theo tỷ lệ lãi suất bình quân gia quyền của các khoản vay chưa trả trong năm, ngoại trừ các khoản vay riêng biệt phục vụ cho mục đích hình thành một tài sản cụ thể.

Chi phí lãi vay phát sinh tại Văn phòng Công ty được hạch toán vào chi phí kinh doanh theo số lãi vay phải trả. Cuối năm Công ty đã trích trước chi phí lãi vay phải trả.

Chi phí lãi vay phát sinh tại Ban quản lý Dự án được hạch toán vào chi phí xây dựng cơ bản dở dang theo số lãi vay phải trả. Cuối năm Công ty đã trích trước chi phí lãi vay phải trả.

#### 8. Đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư vào chứng khoán, công ty con, công ty liên kết và cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát được ghi nhận theo giá gốc.

Dự phòng giảm giá chứng khoán được lập cho từng loại chứng khoán được mua bán trên thị trường và có giá thị trường giảm so với giá đang hạch toán trên sổ sách. Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư tài chính vào các tổ chức kinh tế khác được trích lập khi các tổ chức kinh tế này bị lỗ (trừ trường hợp lỗ theo kế hoạch đã được xác định trong phương án kinh doanh trước khi đầu tư) với mức trích lập tương ứng với tỷ lệ góp vốn của Công ty trong các tổ chức kinh tế này.

Khi thanh lý một khoản đầu tư, phần chênh lệch giữa giá trị thanh lý thuần và giá trị ghi sổ được hạch toán vào thu nhập hoặc chi phí.

#### 9. Chi phí trả trước dài hạn

##### *Công cụ, dụng cụ*

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 02 năm.

#### 10. Chi phí phải trả

Các khoản phải trả và trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

#### 11. Trích lập quỹ dự phòng trợ mất việc làm

Quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm được dùng để chi trả trợ cấp thôi việc, mất việc cho người lao động. Mức trích dự phòng trợ mất việc làm là 3% quỹ lương làm cơ sở đóng bảo hiểm xã hội và được hạch toán vào chi phí theo hướng dẫn tại Thông tư 82/2003/TT-BTC ngày 14 tháng 8 năm 2003 của Bộ Tài chính. Trường hợp quỹ dự phòng trợ mất việc làm không đủ để chi trợ cấp cho người lao động thôi việc, mất việc trong năm thì phần chênh lệch thiếu được hạch toán vào chi phí.

#### 12. Các khoản dự phòng phải trả

##### *Chi phí bảo hành sản phẩm, hàng hóa, công trình xây lắp*

Dự phòng cho bảo hành sản phẩm được lập cho từng loại công trình xây lắp có cam kết bảo hành với mức trích lập theo các cam kết với khách hàng.

#### 13. Nguồn vốn kinh doanh - quỹ

Nguồn vốn kinh doanh của Công ty là vốn đầu tư của chủ sở hữu do Ngân sách Nhà nước cấp và được ghi nhận theo sổ thực tế đã đầu tư.

Các quỹ được trích lập và sử dụng theo các quy định hiện hành của Nhà nước.

7-00  
ÁNH  
/ TNHH  
EM T  
N VÀ  
THUẾ  
T  
H PH  
MINH  
TỔ C

## CÔNG TY TNHH MTV CẤP NƯỚC ĐỒNG NAI

Địa chỉ: Số 48, đường CMT8, phường Quyết Thắng, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

#### 14. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất 25% trên thu nhập chịu thuế.

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoàn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích Báo cáo tài chính và các giá trị dùng cho mục đích thuế. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

#### 15. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu và thu nhập

Khi bán hàng hóa, thành phẩm doanh thu được ghi nhận khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với việc sở hữu hàng hóa đó được chuyển giao cho người mua và không còn tồn tại yếu tố không chắc chắn đáng kể liên quan đến việc thanh toán tiền, chi phí kèm theo hoặc khả năng hàng bán bị trả lại.

Khi cung cấp dịch vụ, doanh thu được ghi nhận khi không còn những yếu tố không chắc chắn đáng kể liên quan đến việc thanh toán tiền hoặc chi phí kèm theo. Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ kế toán thì doanh thu được ghi nhận căn cứ vào tỷ lệ dịch vụ hoàn thành tại ngày kết thúc năm tài chính.

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất từng kỳ.

#### 16. Hợp đồng xây dựng

Khi kết quả thực hiện hợp đồng được ước tính một cách đáng tin cậy thì:

- Đối với các hợp đồng xây dựng qui định nhà thầu được thanh toán theo tiến độ kế hoạch, doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành do Công ty tự xác định.
- Đối với các hợp đồng xây dựng qui định nhà thầu được thanh toán theo giá trị khối lượng thực hiện, doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành được khách hàng xác nhận và được phản ánh trên hóa đơn đã lập.

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng không thể ước tính được một cách đáng tin cậy, thì:

- Doanh thu chỉ được ghi nhận tương đương với chi phí của hợp đồng đã phát sinh mà việc hoàn trả là tương đối chắc chắn.
- Chi phí của hợp đồng chỉ được ghi nhận vào chi phí khi đã phát sinh.

Chênh lệch giữa tổng doanh thu lũy kế của hợp đồng xây dựng đã ghi nhận và khoản tiền lũy kế ghi trên hóa đơn thanh toán theo tiến độ kế hoạch của hợp đồng được ghi nhận là khoản phải thu hoặc phải trả theo tiến độ kế hoạch của các hợp đồng xây dựng.

#### 17. Nguyên tắc chuyển đổi ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm được qui đổi theo tỷ giá tại ngày cuối năm.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm và chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm được ghi nhận vào thu nhập hoặc chi phí trong năm.

Riêng đối với Ban Quản lý dự án, thực hiện các dự án đang trong giai đoạn đầu tư xây dựng để hình thành tài sản cố định, chênh lệch tỷ giá hối đoái đã thực hiện và chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm được phản ánh lũy kế trên Bảng cân đối kế toán (chỉ tiêu

## CÔNG TY TNHH MTV CẤP NƯỚC ĐỒNG NAI

Địa chỉ: Số 48, đường CMT8, phường Quyết Thắng, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

Chênh lệch tỷ giá hối đoái). Khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái này được phân bổ dần vào thu nhập hoặc chi phí với thời gian không quá 5 năm kể từ khi công trình đưa vào hoạt động.

Tỷ giá sử dụng để qui đổi tại thời điểm ngày:

	31/12/2010	31/12/2011
VND/USD	18.932,00	20.828,00
VND/JPY	225,57	266,67
VND/WON	16,21	17,80

#### 18. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động.

Giao dịch với các bên có liên quan trong năm được trình bày ở thuyết minh số VIII.3.

#### V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

##### 1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>Tiền</b>		
Tiền mặt	233.015.111	200.808.468
Tiền gửi ngân hàng (*)	6.756.389.636	8.704.025.756
Tiền đang chuyển	-	1.569.506.036
<b>Cộng</b>	<b>6.989.404.747</b>	<b>10.474.340.260</b>
<b>(*) Chi tiết</b>		
Ngân hàng TMCP Công thương	5.343.580.550	
Ngân hàng TMCP Đại Á	1.169.018.035	
Ngân hàng TMCP Á Châu	161.598.328	
Các ngân hàng khác	82.192.723	
<b>Cộng</b>	<b>6.756.389.636</b>	

##### 2. Phải thu khách hàng

	Số cuối năm	Số đầu năm
Hoạt động cung cấp nước	34.826.844.947	27.605.026.798
Hoạt động cung cấp dịch vụ lắp đặt (*)	712.505.710	336.490.219
<b>Cộng</b>	<b>35.539.350.657</b>	<b>27.941.517.017</b>
<b>(*) Chi tiết</b>		
Công ty Cổ phần Amata Việt Nam	396.719.875	
Tổng Công ty Tín Nghĩa	154.000.000	
Xí nghiệp nước Vĩnh An	129.228.872	
Các khách hàng khác	32.556.963	
<b>Cộng</b>	<b>712.505.710</b>	

## CÔNG TY TNHH MTV CẤP NƯỚC ĐỒNG NAI

Địa chỉ: Số 48, đường CMT8, phường Quyết Thắng, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

#### 3. Trả trước cho người bán

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Hoạt động sản xuất kinh doanh (*)	5.650.797.621	11.055.676.892
Đầu tư xây dựng cơ bản (**)	348.083.267.724	196.041.967.125
<b>Cộng</b>	<b><u>353.734.065.345</u></b>	<b><u>207.097.644.017</u></b>

##### (\*) Chi tiết

	<u>Số cuối năm</u>
Công ty Cổ phần Khoan và cấp thoát nước	1.465.940.481
Tổng Công ty Xây dựng cấp thoát nước và môi trường VN-Viwaseen	1.079.263.666
Công ty Cổ phần nước ngầm II	945.653.761
Ông Võ Quang Hồng	625.090.524
Công ty Cổ phần Bạch Đằng 4	331.701.524
Công ty Cổ phần Công nghệ môi trường Nam Bộ	288.916.000
Công ty Cổ phần Nước, Môi trường HTKT Sài Gòn	252.997.250
Công ty TNHH Ngọc Thạch	153.864.883
Công ty Cổ phần Tư vấn Đầu tư Quản lý Xây dựng Miền Nam	116.329.000
Các nhà cung cấp khác	391.040.532
<b>Cộng</b>	<b><u>5.650.797.621</u></b>

##### (\*\*) Chi tiết

	<u>Số cuối năm</u>
Kubota Corporation - Nhà thầu gói CP1A	76.470.215.391
Công ty Cổ phần Sông Đà 11 - Nhà thầu CP1B	511.314.041
Công ty Salcon Engineering Berhad - Nhà thầu CP2	171.331.684.424
Công ty Degremont Ltd - Nhà thầu CP3	99.599.403.201
Các nhà cung cấp khác	170.650.667
<b>Cộng</b>	<b><u>348.083.267.724</u></b>

#### 4. Các khoản phải thu khác

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tiền nước phải thu đồng bào dân tộc	313.199.460	204.287.580
Thuế thu nhập cá nhân phải thu	276.276.790	-
Bảo hiểm y tế	72.788.207	104.167.775
Phải thu khác	67.820.902	101.343.911
<b>Cộng</b>	<b><u>730.085.359</u></b>	<b><u>409.799.266</u></b>

#### 5. Hàng tồn kho

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Nguyên liệu, vật liệu	34.633.204.732	25.245.433.033
Công cụ, dụng cụ	1.555.550.185	728.470.370
<b>Cộng</b>	<b><u>36.188.754.917</u></b>	<b><u>25.973.903.403</u></b>

#### 6. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước

Đây là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp nộp thừa.

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

## CÔNG TY TNHH MTV CẤP NƯỚC ĐỒNG NAI

Địa chỉ: Số 48, đường CMT8, phường Quyết Thắng, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

#### 7. Tài sản ngắn hạn khác

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tạm ứng	1.342.998.558	1.353.817.170
Kinh phí sửa chữa duy tu trụ cứu hỏa	82.752.855	206.330.339
<b>Cộng</b>	<b>1.425.751.413</b>	<b>1.560.147.509</b>

#### 8. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

	<u>Nhà cửa, vật kiến trúc</u>	<u>Máy móc và thiết bị</u>	<u>Phương tiện vận tải, truyền dẫn</u>	<u>Thiết bị, dụng cụ quản lý</u>	<u>Tài sản cố định khác</u>	<u>Cộng</u>
<b>Nguyên giá</b>						
Số đầu năm	142.280.783.687	158.639.938.521	598.830.758.453	4.976.793.405	2.399.556.889	907.127.830.955
Tăng trong năm	104.554.525	474.695.686	3.696.185.947	621.680.323	-	4.897.116.481
Mua sắm mới	-	474.695.686	-	621.680.323	-	-
Xây dựng cơ bản	104.554.525	-	3.696.185.947	-	-	-
Giảm trong năm	-	16.823.952	12.778.967.260	-	-	12.795.791.212
Thanh lý nhượng bán	-	16.823.952	12.778.967.260	-	-	-
<b>Số cuối năm</b>	<b>142.385.338.212</b>	<b>159.097.810.255</b>	<b>589.747.977.140</b>	<b>5.598.473.728</b>	<b>2.399.556.889</b>	<b>899.229.156.224</b>
<i>Trong đó:</i>						
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	-	23.483.446.557	73.191.722.552	2.731.993.170	-	123.695.851.604
<b>Giá trị hao mòn</b>						
Số đầu năm	806.237.140	104.582.419.561	257.427.765.063	3.391.942.302	1.569.002.476	434.043.184.893
Tăng trong năm	112.985.520	23.439.860.706	54.970.635.070	658.772.919	482.282.853	100.454.054.836
Khấu hao trong năm	-	23.439.860.706	54.970.635.070	658.772.919	482.282.853	100.454.054.836
Giảm trong năm	112.985.520	16.823.952	4.493.489.790	-	-	4.510.313.742
Thanh lý nhượng bán	-	16.823.952	4.493.489.790	-	-	-
<b>Số cuối năm</b>	<b>919.222.660</b>	<b>128.005.456.315</b>	<b>307.904.910.343</b>	<b>4.050.715.221</b>	<b>2.051.285.329</b>	<b>529.986.925.987</b>
<b>Giá trị còn lại</b>						
Số đầu năm	75.208.728.196	54.057.518.960	341.402.993.390	1.584.851.103	830.554.413	473.084.646.062
<b>Số cuối năm</b>	<b>54.410.779.433</b>	<b>31.092.353.940</b>	<b>281.843.066.797</b>	<b>1.547.758.507</b>	<b>348.271.560</b>	<b>369.242.230.237</b>

#### 9. Tăng, giảm tài sản cố định vô hình

	<u>Quyền sử dụng đất</u>	<u>Quy hoạch cấp nước</u>	<u>Phần mềm máy tính</u>	<u>Cộng</u>
<b>Nguyên giá</b>				
Số đầu năm	10.020.750.480	1.274.564.000	56.048.088	11.351.362.568
Tăng trong năm	-	-	-	-
Giảm trong năm	-	-	-	-
<b>Số cuối năm</b>	<b>10.020.750.480</b>	<b>1.274.564.000</b>	<b>56.048.088</b>	<b>11.351.362.568</b>
<i>Trong đó:</i>				
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	-	-	-	-
<b>Giá trị hao mòn</b>				
Số đầu năm	-	394.507.905	14.012.022	408.519.927
Tăng trong năm	-	318.641.000	18.682.696	337.323.696
Khấu hao trong năm	-	318.641.000	18.682.696	337.323.696
Giảm trong năm	-	-	-	-
<b>Số cuối năm</b>	<b>-</b>	<b>713.148.905</b>	<b>32.694.718</b>	<b>745.843.623</b>
<b>Giá trị còn lại</b>				
Số đầu năm	10.020.750.480	880.056.095	42.036.066	10.942.842.641
<b>Số cuối năm</b>	<b>10.020.750.480</b>	<b>561.415.095</b>	<b>23.353.370</b>	<b>10.605.518.945</b>

## CÔNG TY TNHH MTV CẤP NƯỚC ĐỒNG NAI

Địa chỉ: Số 48, đường CMT8, phường Quyết Thắng, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

#### 10. Chi phí đầu tư xây dựng cơ bản

	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>Các công trình xây dựng cơ bản dở dang</b>		
Hệ thống cấp nước phường Tân Biên	8.963.869.236	7.469.051.116
Nhà máy nước Trảng Bom	6.233.082.272	3.058.341.549
Nhà máy nước Tân Phú	5.795.772.453	5.567.558.664
Hệ thống cấp nước xã Hoá An - Tân Hạnh	5.053.983.385	5.053.983.385
Tuyến ống cấp nước D300, KP 3-4, P Trảng Đài	2.789.205.042	-
Di dời bãi giếng KCN Nhơn Trạch-Vinatex	2.198.085.181	19.020.909
Tuyến ống cấp nước D400 KCN Giang Điền	2.102.217.742	195.101.107
Nhà máy nước Định Quán	2.095.682.073	1.326.312.230
Mở rộng nhà máy nước Gia Ray - Xuân Lộc	1.196.504.166	472.195.727
Hệ thống cấp nước xã Hiệp Hòa	1.165.609.633	360.122.494
Xây dựng bể chứa 800m <sup>3</sup> - Gia Ray - Xuân Lộc	1.048.680.201	36.093.409
Tuyến ống nước băng đường sắt - KCN Giang Điền	784.280.839	26.452.984
Hệ thống cấp nước - Long Giao - Cẩm Mỹ	773.561.801	773.561.801
Xây dựng Trạm bơm tăng áp xã Thạnh Phú (GD 2)	669.213.440	669.213.440
Hệ thống cấp nước phường Trảng Đài	669.093.181	573.336.817
Hệ thống cấp nước phường Bửu Hoà	455.394.881	417.491.245
Hệ thống cấp nước Cụm CN Gốm sứ Tân Hạnh	-	3.021.129.500
Dự án Cấp nước Nhơn Trạch	851.131.263.176	704.042.760.744
Dự án Cấp nước Thiện Tân	15.922.729.632	5.745.064.857
Các công trình khác	773.438.083	671.291.480
<b>Cộng</b>	<b>909.821.666.417</b>	<b>739.498.083.458</b>

#### 11. Đầu tư vào công ty con

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Tỷ lệ vốn điều lệ	Giá trị	Tỷ lệ vốn điều lệ	Giá trị
Công ty Cổ phần Dịch vụ và Xây dựng cấp nước Đồng Nai (a)	51,00%	2.550.000.000	51,00%	2.550.000.000
Công ty Cổ phần Cấp nước Nhơn Trạch (b)	52,44%	15.731.210.000	52,44%	15.731.210.000
Công ty Cổ phần Cấp nước Long Khánh (c)	51,00%	12.750.000.000	51,00%	12.750.000.000
<b>Cộng</b>		<b>31.031.210.000</b>		<b>31.031.210.000</b>

(a): Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4703000499 ngày 18 tháng 02 năm 2008 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đồng Nai cấp, Công ty đầu tư vào Công ty Cổ phần Dịch vụ và Xây dựng cấp nước Đồng Nai 2.550.000.000 đồng, tương đương 51,00% vốn điều lệ.

(b): Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4703000498 ngày 14 tháng 02 năm 2008, thay đổi ngày 10 tháng 11 năm 2008 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đồng Nai cấp, Công ty đầu tư vào Công ty Cổ phần Cấp nước Nhơn Trạch 15.731.210.000 đồng, tương đương 52,44% vốn điều lệ.

(c): Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4703000501 ngày 18 tháng 02 năm 2008, thay đổi ngày 23 tháng 03 năm 2011 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đồng Nai cấp, Công ty đầu tư vào Công ty Cổ phần Cấp nước Long Khánh 12.750.000.000 đồng, tương đương 51,00% vốn điều lệ.



## CÔNG TY TNHH MTV CẤP NƯỚC ĐỒNG NAI

Địa chỉ: Số 48, đường CMT8, phường Quyết Thắng, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

#### 12. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Tỷ lệ vốn điều lệ	Giá trị	Tỷ lệ vốn điều lệ	Giá trị
Công ty Cổ phần Cấp nước Hồ Cầu Mới (*)	36,00%	2.160.000.000	36,00%	2.160.000.000
<b>Cộng</b>		<b>2.160.000.000</b>		<b>2.160.000.000</b>

(\*): Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và đăng ký thuế số 3602213547 ngày 07 tháng 01 năm 2010 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đồng Nai cấp, Công ty đầu tư vào Công ty Cổ phần Cấp nước Hồ Cầu Mới 2.160.000.000 đồng, tương đương 36,00% vốn điều lệ.

#### 13. Đầu tư dài hạn khác

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Số lượng cổ phiếu	Giá trị	Số lượng cổ phiếu	Giá trị
Công ty Cổ phần Sonadezi Châu Đức	95.010	950.100.000	95.010	950.100.000
Công ty Cổ phần dịch vụ Sonadezi	100.000	1.000.000.000	100.000	1.000.000.000
<b>Cộng</b>		<b>1.950.100.000</b>		<b>1.950.100.000</b>

#### 14. Chi phí trả trước dài hạn

Đây là chi phí công cụ dụng cụ xuất dùng

	Số cuối năm	Số đầu năm
Số đầu năm	526.979.635	213.999.227
Phát sinh tăng	877.759.015	765.735.727
Kết chuyển vào chi phí SXKD	(965.859.143)	(452.755.319)
<b>Số cuối năm</b>	<b>438.879.507</b>	<b>526.979.635</b>

#### 15. Vay và nợ ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Vay ngắn hạn ngân hàng	63.096.690.564	69.016.503.233
<i>Ngân hàng Công thương - CN Đồng Nai</i>	<i>60.010.843.753</i>	<i>59.999.382.822</i>
<i>Ngân hàng Á Châu</i>	<i>2.746.442.811</i>	<i>3.146.958.489</i>
<i>Ngân hàng Đại Á</i>	<i>339.404.000</i>	<i>5.870.161.922</i>
Vay ngắn hạn các tổ chức khác	3.000.000.000	3.000.000.000
<i>Công ty Cổ phần cấp nước Long Khánh</i>	<i>3.000.000.000</i>	<i>3.000.000.000</i>
<b>Cộng</b>	<b>66.096.690.564</b>	<b>72.016.503.233</b>

#### 16. Phải trả người bán

	Số cuối năm	Số đầu năm
Hoạt động sản xuất kinh doanh (*)	15.767.726.409	15.805.087.330
Đầu tư xây dựng cơ bản (**)	1.599.463.078	1.750.486.689
<b>Cộng</b>	<b>17.367.189.487</b>	<b>17.555.574.019</b>

##### (\*) Chi tiết

Công ty Cổ phần cấp nước Long Khánh	2.791.347.024
Công ty Cổ phần Dịch vụ cấp nước Đồng Nai	2.432.476.970
Công ty TNHH Thương mại N.T.P	1.892.841.298

**CÔNG TY TNHH MTV CẤP NƯỚC ĐỒNG NAI**

Địa chỉ: Số 48, đường CMT8, phường Quyết Thắng, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)****(\*) Chi tiết**

Công ty TNHH Thương mại kỹ thuật D & B	1.563.733.683
Công ty TNHH Thanh Sơn Tính	1.200.947.238
Công ty Điện lực Đồng Nai	1.157.022.872
Ông Đặng Trọng Tài	632.177.089
Công ty TNHH MTV Khai thác công trình thủy lợi	534.469.164
Công ty Cổ phần Sonadezi An Bình	484.976.270
Công ty TNHH Hóa chất cơ bản Miền Nam	401.830.000
Công ty TNHH Mã Việt	342.082.400
Công ty TNHH UHM Việt Nam	337.700.000
Công ty TNHH TM Dịch vụ Xây dựng Âu Mỹ	315.800.000
Công ty Cổ phần Môi trường đô thị Phương Nam	270.718.800
Công ty TNHH Khôi Việt	235.398.900
Công ty TNHH Hiệp Lực	204.641.800
Công ty Cổ phần cấp nước Nhơn Trạch	189.260.000
Các nhà cung cấp khác	780.302.901
<b>Cộng</b>	<b>15.767.726.409</b>

**(\*\*) Chi tiết**

Công ty Cổ phần nước và môi trường	413.986.132
Phải trả nhà thầu	911.321.645
Các nhà cung cấp khác	274.155.301
<b>Cộng</b>	<b>1.599.463.078</b>

**17. Người mua trả tiền trước**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Hoạt động cung cấp nước	-	-
Hoạt động cung cấp dịch vụ lắp đặt (*)	9.953.510.229	4.065.088.654
<b>Cộng</b>	<b>9.953.510.229</b>	<b>4.065.088.654</b>

**(\*) Chi tiết**

Tổng Công ty Phát triển Khu công nghiệp	6.551.700.800
Liên hiệp HTX DV Nông nghiệp tổng hợp Đồng Nai	1.500.000.000
Công ty Cổ phần Đầu tư Vinatex - Tân Tạo	577.079.574
Công ty Cổ phần Miền Đông	512.500.000
Công ty Cổ phần phát triển đô thị công nghiệp số 2	253.143.963
Công ty Cổ phần Sonadezi Long Thành	110.945.000
Các khác hàng khác	448.140.892
<b>Cộng</b>	<b>9.953.510.229</b>

**18. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước**

	<u>Số đầu năm</u>	<u>Số phải nộp</u>	<u>Số đã nộp</u>	<u>Số cuối năm</u>
Thuế giá trị gia tăng	-	1.161.898.825	1.161.898.825	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp (1.267.391.082)	-	5.045.415.974	2.606.843.236	1.171.181.656
Thuế thu nhập cá nhân	249.922.878	2.156.584.225	1.789.224.234	617.282.869
Thuế tài nguyên	238.758.825	3.344.376.668	3.265.965.910	317.169.583
Các loại thuế khác	-	42.733.400	42.733.400	-
Phí bảo vệ môi trường	871.284.350	12.285.741.108	11.931.201.559	1.225.823.899
<b>Cộng</b>	<b>92.574.971</b>	<b>24.036.750.200</b>	<b>20.797.867.164</b>	<b>3.331.458.007</b>

**CÔNG TY TNHH MTV CẤP NƯỚC ĐỒNG NAI**

Địa chỉ: Số 48, đường CMT8, phường Quyết Thắng, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)****Thuế thu nhập doanh nghiệp**

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong năm được dự tính như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	16.615.527.394	11.952.721.916
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp:	3.566.136.504	(3.269.832.536)
<i>Chi phí không được trừ khi xác định thu nhập chịu thuế</i>	8.425.768.416	5.099.253
<i>Cổ tức được chia</i>	(4.859.631.912)	(3.274.931.789)
Thu nhập tính thuế	20.181.663.898	8.682.889.380
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	25%	25%
<b>Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp theo thuế suất phổ thông</b>	<b><u>5.045.415.974</u></b>	<b><u>2.170.722.347</u></b>

**Các loại thuế khác**

Công ty kê khai và nộp theo qui định.

**19. Chi phí phải trả**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Chi phí lãi vay phải trả tại văn phòng Công ty	3.693.645.219	-
Chi phí lãi vay phải trả tại Ban quản lý	375.971.000	1.173.585.904
<b>Cộng</b>	<b><u>4.069.616.219</u></b>	<b><u>1.173.585.904</u></b>

**20. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Kinh phí công đoàn	1.415.854.977	1.082.167.114
Phí bảo vệ môi trường	1.215.403.018	870.110.655
Tiền cơm trưa nhân viên	295.870.000	484.808.285
Tiền nước trả trước	237.438.861	88.457.311
Thu hộ xây dựng Nhà Tường niệm 113	175.600.000	-
Phải trả phải nộp khác	400.932.746	389.105.857
<b>Cộng</b>	<b><u>3.741.099.602</u></b>	<b><u>2.914.649.222</u></b>

**21. Quỹ khen thưởng, phúc lợi**

	<u>Số đầu năm</u>	<u>Tăng do trích lập từ lợi nhuận</u>	<u>Chi quỹ trong năm</u>	<u>Số cuối năm</u>
Quỹ khen thưởng	2.330.330.061	1.753.070.636	345.302.000	3.738.098.697
Quỹ phúc lợi	464.431.709	1.753.070.636	417.075.000	1.800.427.345
Quỹ phúc lợi hình thành tài sản cố định	765.560.915	-	-	765.560.915
Quỹ khen thưởng Ban điều hành	11.120.663	197.865.396	-	208.986.059
<b>Cộng</b>	<b><u>3.571.443.348</u></b>	<b><u>1.950.936.032</u></b>	<b><u>345.302.000</u></b>	<b><u>6.513.073.016</u></b>

## CÔNG TY TNHH MTV CẤP NƯỚC ĐỒNG NAI

Địa chỉ: Số 48, đường CMT8, phường Quyết Thắng, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

#### 22. Phải trả dài hạn khác

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tạm tính hạng mục XD/CB tại Ban quản lý (*)	493.813.419.997	249.262.354.231
Công ty Cổ phần Thống nhất	16.860.458.044	20.412.669.615
<b>Cộng</b>	<b><u>510.673.878.041</u></b>	<b><u>269.675.023.846</u></b>

(\*): Tại Ban quản lý dự án, công việc thanh toán cho các Nhà thầu nước ngoài có đặc thù riêng do dự án được tài trợ bằng vốn vay của cơ quan Hợp tác quốc tế Nhật Bản (JICA). Các hạng mục xây dựng hoàn thành sẽ được các Nhà thầu làm bộ hồ sơ thanh toán. Các hồ sơ này sẽ được chuyển đến ngân hàng Phát triển Việt Nam, và chuyển qua JICA phê duyệt.

Sau khi xem xét phê duyệt, Ngân hàng JICA sẽ chuyển phần tiền JPY vào tài khoản của nhà thầu ở nước ngoài. Riêng tiền VND thì JICA chuyển tiền JPY vào tài khoản của Bộ tài chính mở tại NH ngoại thương, sau đó chuyển JPY sang tiền VND, rồi chuyển vào TK của nhà thầu tại Việt Nam bằng VND.

Tại ban quản lý, căn cứ vào các biên bản nghiệm thu và bàn giao đã lập giữa Ban quản lý và Nhà thầu, Ban quản lý hạch toán tạm tăng giá trị xây dựng cơ bản đồng thời tăng khoản phải trả dài hạn khác, do các hạng mục này đã được ngân hàng ngoại thương thanh toán nhưng chưa làm các thông tri nhận nợ.

Vì thời gian Ngân hàng JICA phê duyệt, thanh toán cho Nhà thầu, và Ban quản lý dự án nhận nợ rất cách xa nhau, nên tới thời điểm 31/12/2011 Ban quản lý dự án không thể xác nhận số dư đầy đủ với Ngân hàng Phát triển Việt Nam.

Chi tiết các khoản nợ phải trả dài hạn khác:

	<u>Số cuối năm</u>
Kubota Corporation - Nhà thầu gói CPIA	125.756.064.626
Công ty Cổ phần Sông Đà 11 - Nhà thầu CPIB	27.347.878.909
Công ty Salcon Engineering Berhad - Nhà thầu CP2	237.097.447.510
Công ty Degremont Ltd - Nhà thầu CP3	54.917.461.016
Nhà thầu tư vấn Nippon	37.432.561.214
Nhà thầu tư vấn Degremont	9.958.991.250
Công ty Kolon Construction	1.224.630.400
Các khoản phải trả khác	78.385.072
<b>Cộng</b>	<b><u>493.813.419.997</u></b>

#### 23. Vay và nợ dài hạn

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Vay dài hạn ngân hàng	868.255.257.427	913.437.100.369
<i>Ngân hàng Công thương - CN Đồng Nai</i>	<i>58.869.366.474</i>	<i>62.953.196.620</i>
<i>Quỹ đầu tư phát triển Đồng Nai</i>	<i>76.302.597.903</i>	<i>28.915.173.000</i>
<i>Ngân hàng phát triển Việt Nam - CN Đồng Nai</i>	<i>733.083.293.050</i>	<i>821.568.730.749</i>
Vay dài hạn các tổ chức khác	67.000.000.000	17.000.000.000
<i>Ngân sách tỉnh</i>	<i>67.000.000.000</i>	<i>17.000.000.000</i>
<b>Cộng</b>	<b><u>935.255.257.427</u></b>	<b><u>930.437.100.369</u></b>

#### 24. Dự phòng trợ cấp mất việc làm

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Số đầu năm	1.013.035.865	1.229.638.190
Số trích lập trong năm	502.511.196	-
Số đã chi	(130.431.867)	(216.602.325)
<b>Số cuối năm</b>	<b><u>1.385.115.194</u></b>	<b><u>1.013.035.865</u></b>



## CÔNG TY TNHH MTV CẤP NƯỚC ĐỒNG NAI

Địa chỉ: Số 48, đường CMT8, phường Quyết Thắng, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

#### 25. Vốn chủ sở hữu

##### Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Chênh lệch tỷ giá	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Quỹ khác thuộc vốn CSH	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	Cộng
Số dư đầu năm trước	251.016.981.923	(118.780.823.605)	7.412.946.925	3.408.181.060	15.728.527.209	16.900.687.178	39.969.354.808	215.655.855.498
Tăng vốn năm trước	8.493.629.960	-	-	-	-	-	22.579.897.792	31.073.527.752
Giảm vốn năm trước	-	-	-	-	-	-	(3.198.250.531)	(3.198.250.531)
Phân phối lợi nhuận	-	-	3.162.348.858	1.171.240.318	-	(11.712.403.177)	-	(7.378.814.001)
Lợi nhuận năm trước	-	-	-	-	-	9.781.999.569	-	9.781.999.569
Đánh giá cuối kỳ	-	(24.338.729.677)	-	-	-	-	-	(24.338.729.677)
Giảm khác	-	-	-	-	1.469.214.141	-	-	1.469.214.141
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>259.510.611.883</b>	<b>(143.119.553.282)</b>	<b>10.575.295.783</b>	<b>4.579.421.378</b>	<b>17.197.741.350</b>	<b>14.970.283.570</b>	<b>59.351.002.069</b>	<b>223.064.802.751</b>
Số dư đầu năm nay	259.510.611.883	(143.119.553.282)	10.575.295.783	4.579.421.378	17.197.741.350	14.970.283.570	59.351.002.069	223.064.802.751
Tăng vốn năm nay	4.846.491.686	-	-	-	-	(4.846.491.686)	16.922.822.152	16.922.822.152
Xuất toán theo Kiểm toán Nhà nước	-	-	-	-	-	-	(45.885.889)	(45.885.889)
Nộp vé Tổng công ty	-	-	-	-	-	(2.334.727.800)	-	(2.334.727.800)
Phân phối lợi nhuận	-	-	2.588.029.058	1.497.028.357	-	(4.085.057.415)	-	-
Trích quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-	-	-	-	(3.506.141.272)	-	(3.506.141.272)
Trích quỹ khen thưởng ban điều hành	-	-	-	-	-	(197.865.396)	-	(197.865.396)
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	-	11.570.111.420	-	11.570.111.420
Đánh giá cuối kỳ	-	(62.587.514.668)	-	-	-	-	-	(62.587.514.668)
<b>Số dư cuối năm nay</b>	<b>264.357.103.569</b>	<b>(205.707.067.950)</b>	<b>13.163.324.841</b>	<b>6.076.449.735</b>	<b>17.197.741.350</b>	<b>11.570.111.421</b>	<b>76.227.938.332</b>	<b>182.885.601.298</b>

##### Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	Số cuối năm	Số đầu năm
Vốn đầu tư của Nhà nước	264.357.103.569	259.510.611.883
Vốn góp của các cổ đông khác	-	-
<b>Cộng</b>	<b>264.357.103.569</b>	<b>259.510.611.883</b>

#### VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

##### 1. Doanh thu

##### Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Năm nay	Năm trước
Tổng doanh thu	354.054.488.997	301.489.882.426
+ Doanh thu cung cấp nước	333.249.097.589	284.088.423.545
+ Doanh thu dịch vụ lắp đặt	20.805.391.408	17.401.458.881
Các khoản giảm trừ doanh thu:	39.138.627	15.987.626
+ Hàng bán bị trả lại	39.138.627	15.987.626
<b>Doanh thu thuần</b>	<b>354.015.350.370</b>	<b>301.473.894.800</b>
Trong đó:		
+ Doanh thu cung cấp nước	333.249.097.589	284.088.423.545
+ Doanh thu dịch vụ lắp đặt	20.766.252.781	17.385.471.255

## CÔNG TY TNHH MTV CẤP NƯỚC ĐỒNG NAI

Địa chỉ: Số 48, đường CMT8, phường Quyết Thắng, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

#### 2. Giá vốn hàng bán

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Giá vốn hoạt động cung cấp nước (*)	213.349.477.429	162.909.199.777
Giá vốn hoạt động cung cấp dịch vụ lắp đặt (**)	16.745.170.925	12.907.949.379
<b>Cộng</b>	<b><u>230.094.648.354</u></b>	<b><u>175.817.149.156</u></b>

(\*) Giá vốn hoạt động cung cấp nước

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí nguyên vật liệu trực tiếp	8.463.937.701	5.034.491.948
Chi nhân công trực tiếp	45.621.715.935	38.917.309.056
Chi phí sản xuất chung	159.263.823.793	118.957.398.773
<b>Tổng chi phí sản xuất</b>	<b><u>213.349.477.429</u></b>	<b><u>162.909.199.777</u></b>
Chênh lệch chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	-	-
<b>Giá vốn của hợp đồng lắp đặt</b>	<b><u>213.349.477.429</u></b>	<b><u>162.909.199.777</u></b>

(\*\*) Giá vốn hoạt động dịch vụ lắp đặt

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí nguyên vật liệu trực tiếp	6.349.244.257	6.649.462.884
Chi nhân công trực tiếp	3.570.000.000	-
Chi phí sản xuất chung	6.825.926.668	6.258.486.495
<b>Tổng chi phí sản xuất</b>	<b><u>16.745.170.925</u></b>	<b><u>12.907.949.379</u></b>
Chênh lệch chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	-	-
<b>Giá vốn của hợp đồng lắp đặt</b>	<b><u>16.745.170.925</u></b>	<b><u>12.907.949.379</u></b>

#### 3. Doanh thu hoạt động tài chính

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	379.542.923	1.634.085.329
Lãi đầu tư cổ phiếu, trái phiếu	-	29.600.000
Cổ tức, lợi nhuận được chia	4.859.631.912	3.274.931.789
<b>Cộng</b>	<b><u>5.239.174.835</u></b>	<b><u>4.938.617.118</u></b>

#### 4. Chi phí hoạt động tài chính

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí lãi vay	34.023.334.157	26.075.895.597
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	8.366.620.000	3.300.790.000
Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	16.123.312.762	44.636.499.616
Chiết khấu thanh toán	1.420.000.000	-
<b>Cộng</b>	<b><u>59.933.266.919</u></b>	<b><u>74.013.185.213</u></b>

#### 5. Chi phí bán hàng

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí nhân viên	8.322.672.471	6.887.973.117
Chi phí vật liệu, bao bì	10.079.335.494	13.229.681.823
Chi phí dụng cụ, đồ dùng	246.834.730	138.670.965
Chi phí khấu hao TSCĐ	85.487.697	18.694.705
Chi phí dịch vụ mua ngoài	321.916.910	194.600.000
Chi phí bằng tiền khác	12.586.108.575	9.801.934.008
<b>Cộng</b>	<b><u>31.642.355.877</u></b>	<b><u>30.271.554.618</u></b>

## CÔNG TY TNHH MTV CẤP NƯỚC ĐỒNG NAI

Địa chỉ: Số 48, đường CMT8, phường Quyết Thắng, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

#### 6. Chi phí quản lý

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí nhân viên quản lý	12.545.797.255	6.049.451.770
Chi phí vật liệu quản lý	78.158.550	224.643.328
Chi phí đồ dùng văn phòng	551.796.021	400.134.764
Chi phí khấu hao TSCĐ	3.097.951.099	2.034.796.859
Thuế, phí và lệ phí	3.387.110.068	1.468.954.281
Trích lập dự phòng trợ cấp mất việc	502.511.196	-
Chi phí dịch vụ mua ngoài	163.424.582	123.621.121
Chi phí bằng tiền khác	4.755.349.305	4.084.704.184
<b>Cộng</b>	<b><u>25.082.098.076</u></b>	<b><u>14.386.306.307</u></b>

#### 7. Thu nhập khác

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chuyển nhượng HTCN Thị trấn Long Thành cho Công ty Cổ phần Nước Nhơn Trạch	12.260.290.000	-
Thu nhập khác	295.758.885	196.414.545
<b>Cộng</b>	<b><u>12.556.048.885</u></b>	<b><u>196.414.545</u></b>

#### 8. Chi phí khác

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Giảm tài sản cố định lắp tuyến ống HTCN Thị trấn Long Thành	8.285.477.470	-
Chi phí khác	157.200.000	168.009.253
<b>Cộng</b>	<b><u>8.442.677.470</u></b>	<b><u>168.009.253</u></b>

#### 9. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	32.389.337.848	32.479.875.619
Chi phí nhân công	77.821.916.567	57.783.549.387
Chi phí khấu hao tài sản cố định	100.779.038.532	70.189.742.692
Chi phí dịch vụ mua ngoài	42.573.530.374	33.829.317.206
Chi phí khác	33.255.278.986	26.192.525.177
<b>Cộng</b>	<b><u>286.819.102.307</u></b>	<b><u>220.475.010.081</u></b>

## VII. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

#### 1. Các giao dịch không bằng tiền

Trong năm Công ty phát sinh các giao dịch không bằng tiền như sau:

	<u>Năm nay</u>
Tăng vốn từ lợi nhuận chưa phân phối	4.846.491.686
Chi phí lãi vay của hoạt động kinh doanh phải trả	3.693.645.219
Chi phí lãi vay được vốn hóa phải trả	375.971.000
Mua tài sản chưa thanh toán	244.551.065.766

PHỤ LỤC

## CÔNG TY TNHH MTV CẤP NƯỚC ĐỒNG NAI

Địa chỉ: Số 48, đường CMT8, phường Quyết Thắng, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

## VIII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

### 1. Các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính

Không có sự kiện quan trọng nào xảy ra sau ngày kết thúc niên độ kết toán cần trình bày trên Báo cáo tài chính

### 2. Thông tin so sánh

Thông tin so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010 đã được Công ty Kiểm toán khác kiểm toán, và được điều chỉnh theo Báo cáo tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2010 ngày 30 tháng 09 năm 2011 của Ban Kiểm soát thuộc Tổng Công ty Phát triển Khu công nghiệp.


### 3. Giao dịch với các bên liên quan

Trong năm, Công ty phát sinh các nghiệp vụ với các bên liên quan chủ yếu sau:

<u>Bên liên quan</u>	<u>Mối quan hệ</u>	<u>Năm 2011</u>
<b>Tổng Công ty Phát triển KCN Đồng Nai</b>	<b>Công ty mẹ</b>	
Thu tiền ứng trước		-
Chuyển lợi nhuận năm 2010		2.334.727.800
<b>Công ty Cổ phần DV&amp;XD Cấp nước Đồng Nai</b>	<b>Công ty con</b>	
Bán hàng hóa		6.307.345.049
Mua dịch vụ		16.686.145.334
Nhận cổ tức		382.500.000
<b>Công ty Cổ phần Cấp nước Nhơn Trạch</b>	<b>Công ty con</b>	
Bán tài sản		12.260.290.000
Nhận cổ tức		3.146.242.000
<b>Công ty Cổ phần Cấp nước Long Khánh</b>	<b>Công ty con</b>	
Mua dịch vụ		4.874.592.961
Lãi vay phải trả		395.266.666
Nhận cổ tức		1.146.697.312

Số dư với các bên liên quan tại ngày kết thúc năm tài chính

<u>Bên liên quan</u>	<u>Mối quan hệ</u>	<u>Năm 2011</u>
<b>Tổng Công ty Phát triển KCN Đồng Nai</b>	<b>Công ty mẹ</b>	
Thu tiền ứng trước		(6.551.700.800)
<b>Công ty Cổ phần DV&amp;XD Cấp nước Đồng Nai</b>		
Phải trả tiền mua dịch vụ		(2.432.476.970)
<b>Công ty Cổ phần Cấp nước Nhơn Trạch</b>		
Phải trả tiền mua dịch vụ		(189.260.000)
<b>Công ty Cổ phần Cấp nước Long Khánh</b>		
Phải trả tiền vay		(3.000.000.000)
Phải trả lãi vay		(95.666.666)
Ứng trước tiền mua dịch vụ		2.791.347.024

  
Lê Duy Diệp  
Kế toán trưởng



Đồng Nai, ngày 31 tháng 01 năm 2012  
Đặng Trọng Thành  
Giám đốc